

Bản án số: 299/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9- 2019

V/v Không công nhận vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thắng

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thuý Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2019/TLST-HNGĐ, ngày 23/8/2019 về không công nhận vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09/9/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số nhà X/19, phố Đ, phường Tr, thành phố Nam Định.

(Anh có mặt, chị Anh có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Trần Thanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A lấy nhau không có đăng ký kết hôn, sau khi được hai bên gia đình họ hàng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, anh chị về chung sống với nhau từ năm 2015 tại thôn 4, xã Tân Long, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tính không hợp, không tìm được tiếng nói chung về công việc, tâm tư, tình cảm cá nhân nên chị Nguyễn Thị Ngọc A đã cùng con bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, đến giữa năm 2018 anh xuống Nam Định đón con về chung sống với anh, anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, anh xác định tình cảm giữa anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A không

núu kéo được nữa. Vì vậy anh đề nghị Toà án giải quyết không công nhận anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A là vợ chồng và đề nghị được nuôi con chung không yêu cầu chị Anh cấp dưỡng nuôi con chung, hiện nay anh làm nghề mộc tại địa phương mức thu nhập bình quân khoảng 5.000.000đ/tháng.

Về con chung: Anh xác nhận anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016, hiện nay anh đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Trung T và không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ: Anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A không vay nợ ai, không đề nghị giải quyết.

* Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Trần Thanh T sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến quyết định hôn nhân, tuy nhiên anh chị không đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương vào năm 2015, sau đó vợ chồng về chung sống với nhau và làm ăn tại xóm 4, xã Tân Long, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống chung vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thành phố Nam Định từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án không công nhận vợ chồng giữa chị với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Quá trình sống chung với anh Trần Thanh T chị xác nhận có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016, chị đề nghị Toà án giao con cho anh Trần Thanh T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu, chị xác nhận cháu Nguyễn Trung T là con chung giữa chị với anh, tuy nhiên giấy khai sinh hiện nay không ghi tên bố là do chị với anh không có đăng ký kết hôn.

Về tài sản chung: Chị với anh Trần Thanh T không có tài sản chung, không yêu cầu toà án giải quyết.

Về vay nợ: Chị không vay nợ ai, không đề nghị toà án giải quyết.

Tại phiên toà, anh Trần Thanh T trình bày: Anh đề nghị toà án giải quyết không công nhận anh với chị Nguyễn Thị Ngọc A là vợ chồng, anh đề nghị được nuôi con chung là cháu Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016, anh không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc A cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, vay nợ, không có, anh không đề nghị Toà án xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc A đã có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T. Tuyên:

-Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A.

-Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016 cho anh Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Anh Trần Thanh T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

-Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Thanh T có hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống tại địa bàn xã Tân Long, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị Ngọc A có hộ khẩu tại: Số nhà 58/19, phố Đoàn Trần Nghiệp, phường Trần Đăng Ninh, thành phố Nam Định. Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang giải quyết vụ án. Anh Trần Thanh T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận giữa anh và chị Nguyễn Thị Ngọc A là vợ chồng. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các điều 28, 35 và điều 39 của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng chị Nguyễn Thị Ngọc A đều vắng mặt, Do vậy không tiến hành hoà giải được theo quy định tại điều 207 BLTTDS. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015. Tuy anh và chị Ngọc A chung sống với

nhau như vợ chồng trên tinh thần tự nguyện và trong quá trình chung sống có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên đến thời điểm Tòa án giải quyết anh chị đều xác nhận không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, việc chung sống với nhau như vợ chồng giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, do quá trình chung sống cuộc sống chung của anh chị thường xuyên mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung về công việc, tâm tư, tình cảm cá nhân, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nên chị Nguyễn Thị Ngọc A đã bỏ về nhà bố mẹ để sống. Nay anh Trần Thanh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị Ngọc A là vợ chồng, chị Nguyễn Thị Ngọc A nhất trí. Vậy xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016. Anh Trần Thanh T đề nghị được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Anh cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị Ngọc A nhất trí để cho anh Trần Thanh T được trực tiếp nuôi con chung. Xét sự tự nguyện của chị Anh và yêu cầu của anh là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận: Giao con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016 cho anh Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Qua xác minh tại địa phương thể hiện: Anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A lấy nhau được gia đình tổ chức cưới hỏi trong phạm vi gia đình họ hàng và xác nhận anh và chị Anh chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có một con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016, hiện nay đang do anh Trần Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng và đang học tại địa phương, tài sản chung, vay nợ chung không có.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh chị không yêu cầu xem xét giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của anh theo quy định tại điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng: Các Điều 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh T .

Xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh T và chị Nguyễn Thị Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Trung T, sinh ngày 23/5/2016 cho anh Trần Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số N^o 0001698 ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang; Anh đã nộp đủ án phí.

4. Anh Trần Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Chị Nguyễn Thị Ngọc A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang; (Khi án có hiệu lực)
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;(nt)
- Viện kiểm sát ND tỉnh TQ;
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã Tân Long (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà

